TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 42

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 1 136 880 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 1 100 000 **B.** 1 000 000 **C.** 1 200 000 **D.** 1 140 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số «Sáu trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi lăm» viết là:

A. 656 245 **B.** 646 045 **C.** 646 245 **D.** 6 460 245

Câu 3. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 4 trong số 53 584 297 là:

A. 400 **B.** 4 **C.** 4000 **D.** 40 000

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức a + b × 6 với a = 2098, b = 176 là:

A. 3154 **B.** 3164 **C.** 2280 **D.** 13 644

Câu 5. *(0,5 điểm)* Kho thứ nhất có 1380 kg thóc, kho thứ hai có gấp 3 lần kho thứ nhất, kho thứ ba ít hơn kho thứ hai 260 kg. Cả ba kho có:

A. 5520 kg **B.** 9400 kg **C.** 9920 kg **D.** 3880 kg

Câu 6. *(0,5 điểm)* 3 tạ 2 yến = ……. kg

A. 3020 **B.** 320 **C.** 32 **D.** 302

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1058 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XI **B.** thế kỉ X **C.** thế kỉ IX **D.** thế kỉ XII

Câu 8. *(0,5 điểm)* Góc bẹt được chia thành hai góc, một góc có số đo 35°. Góc còn lại có số đo là:

A. 215° **B.** 55° **C.** 145° **D.** 35°

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho dãy số: 14, 19, 24, 29, ……, 179. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có ……. số

b) Số thứ 10 của dãy là: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Cho các số: 154 249, 124 945, 194 245, 294 245, 192 445.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: …….

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 201 342 + 243 912 = …….

b) 452 998 − 211 014 = …….

c) 22 381 × 4 = …….

d) 40 744 : 8 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

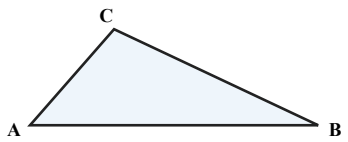
a) 8 tấn 50 kg ..... 1300 kg

b) 3 m² 50 dm² ..... 350 dm²

c) 3 thế kỉ ..... 301 năm

d) 9 660 550 ..... 9 659 550

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: .....

b) Số góc nhọn: .....

c) Số góc tù: .....

Câu 14. *(1 điểm)* Hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Hà là 53 tuổi, mẹ hơn Hà 29 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi, Hà bao nhiêu tuổi?

a) Tuổi mẹ: ..... tuổi

b) Tuổi Hà: ..... tuổi

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 42

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	C	A	B	B	A	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) (179 − 14) : 5 + 1 = 34 (số)

b) 14 + (10 − 1) × 5 = 59

Câu 10.

a) 124 945, 154 249, 192 445, 194 245, 294 245

b) 294 245 − 124 945 = 169 300

Câu 11.

a) 201 342 + 243 912 = 445 254

b) 452 998 − 211 014 = 241 984

c) 22 381 × 4 = 89 524

d) 40 744 : 8 = 5093

Câu 12.

a) 8050 > 1300

b) 350 = 350

c) 300 < 301

d) 9 660 550 > 9 659 550

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù.

Câu 14.

Tuổi Hà: (53 − 29) : 2 = 12 (tuổi)

Tuổi mẹ: 12 + 29 = 41 (tuổi)